

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên, ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 253/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 2001; ĐKKHKT: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Số B, ngõ A N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Người được chị N ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Hoàng Lan N1, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ A, Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Anh Lê Minh H, địa chỉ: Khu C B, N, Bắc Kạn

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1998, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 16/01/2020 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương và ở chung với bố mẹ đẻ anh Đ. Anh chị chung sống hòa thuận được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, lối sống, anh Đ mãi chơi không có trách nhiệm với gia đình. Tháng 8/2023 anh Đ sang Nhật Bản lao động. Trước khi đi anh Đ cũng không bàn bạc với chị, khi sang Nhật Bản anh Đ không cho chị biết địa chỉ, công việc của anh Đ ở đó. Sau khi anh Đ sang Nhật Bản được một tuần thì chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu khi anh Đ sang Nhật Bản thỉnh thoảng có gọi điện cho chị, sau đó không liên lạc nữa, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Hoàng Thị Gia H1, sinh ngày 20/6/2020, hiện nay con chung đang ở với chị. Chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Hoàng Văn Đ1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn Đ, Anh Đ đi lao động ở Nhật Bản vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông nhưng không nói cho ông biết địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Nhật Bản nên ông không cung cấp cho Tòa án được. Chị N, anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 16/01/2020 tại UBND xã K, K, Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị N ở cùng với vợ chồng ông. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng là chỉ là các mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do anh Đ mãi chơi game không giúp đỡ vợ con các công việc gia đình, chị N tính cách trẻ con, vợ chồng không biết nhường nhịn nhau. Đầu năm 2022 do anh Đ nể nang bạn bè vay mượn tiền nên dẫn đến nợ nần, chị N giận dỗi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 8/2023 anh Đ đi lao động ở Nhật Bản, từ khi anh Đ đi chị N không về gia

đình ông ở, không liên lạc, ông bà gọi điện không nghe máy. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để chị N rút đơn về đoàn tụ, trường hợp chị N không rút đơn đề nghị giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị N, anh Đ có một con chung là Hoàng Thị Gia H1, hiện nay cháu đang ở với chị N. Tòa án giao cho ông các văn bản tố tụng, ông đã thông báo cho anh Đ biết, anh Đ đang ở Nhật Bản không về được đề nghị Tòa án cho anh Đ vắng mặt và giải quyết theo quy định.

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Hoàng Văn Đ xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/8/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Trần Thị Thanh N ly hôn anh Hoàng Văn Đ; Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Gia H1 cho chị N trực tiếp nuôi. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà,

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn Đ có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh N và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 16/01/2020 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Xét thấy: Lời khai của chị N về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng nên có đủ cơ sở xác định quá trình chị N, anh Đ chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh Đ có một con chung là Hoàng Thị Gia H1, sinh ngày 20/6/2020. Chị N xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy hiện nay con chung đang ở với chị N, chị N đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng con, anh Đ đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con. Do đó đề nghị của chị N về nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao con chung là Hoàng Thị Gia H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh N, xử cho chị Trần Thị Thanh N ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Gia H1, sinh ngày 20/6/2020 cho chị Trần Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000705 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Hoàng Lan N1 nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy

